

Thuế chống bán phá giá ở một số nước thành viên WTO và một số gợi ý cho Việt Nam : Luận văn ThS.

Kinh tế: 60 31 07 / Mai Quỳnh

Phương ; Nghd. : TS. Khu Thị Tuyết Mai

1. Sự cần thiết nghiên cứu của đề tài.

Trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế và toàn cầu hóa, Việt Nam đã tham gia nhiều tổ chức kinh tế và thương mại quốc tế và khu vực như Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) và Khu vực mậu dịch tự do ASEAN (AFTA) năm 1995, Diễn đàn Hợp tác Á - Âu (ASEM) năm 1996, Diễn đàn hợp tác Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương (APEC) năm 1998, ký Hiệp định Thương mại song phương với Hoa Kỳ năm 2000. Tháng 11 năm 2006, Việt Nam đã được kết nạp vào Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO). Đây là một mốc quan trọng, đánh dấu quá trình hội nhập sâu hơn của nền kinh tế Việt Nam vào nền kinh tế thế giới.

Việc gia nhập WTO sẽ mang lại cho Việt Nam nhiều cơ hội, trong đó cơ hội lớn nhất đó là các doanh nghiệp Việt Nam có thể tăng khả năng tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ nhờ việc mở rộng các thị trường ngoài nước. Bên cạnh đó chúng ta còn có cơ hội tiếp cận các nguồn hàng, dịch vụ đa dạng, phong phú với giá cạnh tranh của

các nước khác nhau trên thế giới, đặc biệt là máy móc, trang thiết bị kỹ thuật cao cấp và các yếu tố đầu vào. Bên cạnh cơ hội, Việt Nam cũng phải đối mặt với rất nhiều thách thức. Sự thách thức lớn nhất mà Việt Nam phải đương đầu đó là sự cạnh tranh gay gắt giữa hàng hóa trong nước với hàng hóa nước ngoài. Trở thành thành viên của WTO, Việt Nam buộc phải thực hiện lộ trình cắt giảm hàng rào thuế quan và phi thuế quan, mở cửa cho hàng hóa nước ngoài vào Việt Nam. Đã đến lúc Việt Nam phải tính đến trường hợp các doanh nghiệp nước ngoài muốn chiếm lĩnh thị trường Việt Nam bằng cách bán phá giá các sản phẩm xuất khẩu của họ vào thị trường Việt Nam.

Trước đây nếu hàng nhập khẩu vào Việt Nam bị bán phá giá gây ra thiệt hại cho các nhà sản xuất các mặt hàng cùng loại trong nước thì trong những năm tới nguy cơ này càng lớn hơn do khi đó hàng rào bảo hộ bằng các biện pháp hạn chế định lượng sẽ không còn, đồng thời thuế suất thuế nhập khẩu bị giảm xuống. Vì vậy, chúng ta phải nghiên cứu và áp dụng các công cụ bảo hộ mới phù hợp với quy định của WTO, trong đó có thuế chống bán phá giá.

Thuế chống bán phá giá được áp dụng ở Canada vào năm 1904 và ngày càng được áp dụng rộng rãi không chỉ ở các nước phát triển mà cả ở những nước đang phát triển. Đây là công cụ bảo vệ hiệu quả hàng sản xuất trong nước khi phải cạnh tranh với hàng nhập khẩu bị bán phá giá.

Mặc dù Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế xuất, nhập khẩu số 04/1998/QH 10 ngày 25/05/1998 cho phép áp dụng thuế bổ sung đối với hàng nhập khẩu bị bán phá giá vào Việt Nam, Quyết định số 46/2001/QĐ-TTg của Thủ tướng chính

phủ ngày 04/04/2001 cũng xây dựng nguyên tắc áp dụng thuế chống bán phá giá năm 2001, Pháp lệnh của Ủy ban Thường vụ Quốc hội số 20/2004/PL-UBTVQH11 ngày 29/04/2004 quy định về việc chống bán phá giá hàng nhập khẩu vào Việt Nam, Nghị định của Chính phủ số 90/2005/NĐ-CP ngày 11/07/2005 hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh chống bán phá giá hàng nhập khẩu vào Việt Nam nhưng cho đến nay Việt Nam chưa áp dụng trường hợp thuế chống bán phá giá nào. Trong khi đó nhiều nước trên thế giới, kể cả các nước phát triển và đang phát triển đã khởi kiện và áp dụng rất thành công thuế chống bán phá giá đối với hàng nhập khẩu vào nước họ, giúp bảo vệ và mang lại lợi ích to lớn cho các ngành sản xuất trong nước. Đã đến lúc Việt Nam cần phải áp dụng thuế chống bán phá giá đối với hàng nhập khẩu vào Việt Nam, đặc biệt trong bối cảnh Việt Nam vừa được kết nạp là thành viên của WTO vào tháng 11/2006. Việt Nam là nước đi sau, chưa từng có kinh nghiệm trong việc áp dụng thuế chống bán phá giá. Việc nghiên cứu kinh nghiệm áp dụng của các nước đi trước và rút ra những bài học trong quá trình xây dựng, hoàn thiện và thực thi các quy định trong lĩnh vực chống bán phá giá là thực sự cần thiết đối với Việt Nam.

Với các lý do nêu trên và căn cứ vào tình hình nghiên cứu đề tài trong và ngoài nước, chúng tôi đã chọn nghiên cứu đề tài ***“Thuế chống bán phá giá ở một số nước thành viên WTO và một số gợi ý cho Việt Nam”***.

2. Tình hình nghiên cứu.

Trong những năm gần đây, thuế chống bán phá giá và áp dụng thuế chống bán phá giá là vấn đề được nhiều học giả trong và ngoài nước nghiên cứu. Tuy nhiên phần lớn các nghiên cứu chủ

yếu trình bày dưới dạng đơn lẻ, chưa có sự so sánh một cách tổng quát việc áp dụng thuế chống bán phá giá tại một số nước.

Sau khi Việt Nam bị Mỹ kiện bán phá giá một số mặt hàng thủy sản, đã có một số công trình nghiên cứu trong nước về kinh nghiệm áp dụng thuế chống bán phá giá tại một số nước tiêu biểu. Nhóm tác giả của Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương) với Dự án *“Việt Nam hội nhập vào nền kinh tế thế giới: Nâng cao năng lực trong lĩnh vực chống bán phá giá”* phân tích thực trạng áp dụng thuế chống bán phá giá tại một số nước, từ đó gợi ý một số giải pháp cho việc áp dụng thuế chống bán phá giá ở Việt Nam. Tuy nhiên, nhóm tác giả của công trình này trình bày kinh nghiệm áp dụng thuế chống bán phá giá của một số nước vẫn còn dàn trải, do vậy những gợi ý đưa ra chưa thực sự có tính thuyết phục cao.

Tác giả Hoàng Tích Phúc cùng nhóm tác giả của Vụ hợp tác đa biên – Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương) với đề tài khoa học *“Cơ sở khoa học áp dụng biện pháp chống bán phá giá ở Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế”* đã đưa ra được những luận chứng khẳng định việc áp dụng thuế chống bán phá giá ở Việt Nam là thực sự cần thiết bởi Việt Nam đã thực sự hội nhập vào nền kinh tế thế giới. Nghiên cứu cũng đưa ra một số gợi ý cho việc áp dụng thuế chống bán phá giá ở Việt Nam. Tuy nhiên, những gợi ý trên hoàn toàn mang tính chủ quan, chưa thực sự dựa trên nghiên cứu kinh nghiệm của các nước đi trước.

Một số nghiên cứu của các học giả nước ngoài như *“Xu hướng và các yếu tố tạo nên các hành động chống bán phá giá, một quan điểm toàn cầu”* (2003) của tác giả Aradhna Aggarwal đã đưa ra cái nhìn toàn cảnh về việc cần thiết áp dụng thuế chống bán phá giá với tất cả các nước khi hội nhập sâu vào nền kinh tế thế

giới; “*Việt Nam gia nhập WTO: Phân tích thuế quan, Ngành và trợ cấp*” (2005) của hai tác giả Loard Montague và Nguyễn Trường Sơn đã đưa ra những phân tích đối với Việt Nam khi phải làm quen với các loại thuế mới, trong đó có thuế chống bán phá giá.

Các nghiên cứu đề cập đến sự cần thiết phải áp dụng thuế chống bán phá giá khi Việt Nam đang trong quá trình hội nhập sâu hơn vào nền kinh tế thế giới. Tuy nhiên, các nghiên cứu trên vẫn còn sơ bộ, chủ yếu đưa ra một số vấn đề có tính lý thuyết và dựa trên các số liệu thống kê trong từng giai đoạn của các nước trên thế giới. Vì vậy việc bổ sung và phát triển những vấn đề còn chưa nghiên cứu hoặc nghiên cứu một cách đơn giản, riêng rẽ đối với vấn đề áp dụng thuế chống bán phá giá ở Việt Nam là mục tiêu của luận văn.

3. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu.

3.1. Mục tiêu nghiên cứu.

Luận văn “*Thuế chống bán phá giá ở một số nước thành viên WTO và một số gợi ý cho Việt Nam*” nghiên cứu so sánh kinh nghiệm áp dụng thuế chống bán phá giá của một số nước tiêu biểu là thành viên của WTO nhằm gợi ý một số giải pháp cho việc áp dụng thuế chống bán phá giá ở Việt Nam.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu.

Để đạt được mục tiêu nghiên cứu trên, luận văn thực hiện một số nhiệm vụ nghiên cứu cụ thể sau:

- Nghiên cứu một số vấn đề lý luận liên quan đến phá giá và thuế chống bán phá giá.
- Nghiên cứu so sánh kinh nghiệm áp dụng thuế chống bán phá giá của một số nước tiêu biểu là thành viên của WTO.

- Gợi ý một số giải pháp đối với việc áp dụng thuế chống bán phá giá ở Việt Nam.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.

4.1. Đối tượng nghiên cứu.

Luận văn nghiên cứu quy định thuế chống bán phá giá trong Tổ chức thương mại thế giới WTO, tình hình áp dụng thuế chống bán phá giá trên thế giới thời gian qua, kinh nghiệm áp dụng thuế chống bán phá giá của một số nước tiêu biểu là thành viên của WTO.

4.2. Phạm vi nghiên cứu.

- Luận văn chỉ nghiên cứu những quy định về thuế chống bán phá giá trong WTO và việc áp dụng thuế chống bán phá giá ở một số nước thành viên của WTO, cụ thể là Hoa Kỳ, Úc và Ấn Độ.

- Thời gian nghiên cứu được giới hạn từ năm 1995 đến năm 2008, có tính đến những văn bản pháp luật mới trong thời gian gần đây.

5. Phương pháp nghiên cứu.

Luận văn sử dụng phương pháp nghiên cứu duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, và một số phương pháp nghiên cứu chung trong lĩnh vực kinh tế như phân tích, tổng hợp, thống kê, so sánh và dự báo.

6. Dự kiến những đóng góp mới của luận văn.

- Làm rõ những điểm chung và những điểm riêng trong việc áp dụng thuế chống bán phá giá của một số nước thành viên WTO, từ đó rút ra một số bài học hữu ích đối với việc áp dụng thuế chống bán phá giá ở Việt Nam.
- Gợi ý một số giải pháp cho việc áp dụng thuế chống bán phá giá ở Việt Nam.

7. Bố cục của luận văn.

Ngoài lời mở đầu, kết luận, nội dung của luận văn được kết cấu gồm 3 chương:

Chương 1: Tổng quan về bán phá giá, thuế chống bán phá giá và hiệp định chống bán phá giá của WTO.

Chương 2: Kinh nghiệm áp dụng thuế chống bán phá giá tại một số nước thành viên của WTO.

Chương 3: Một số gợi ý liên quan đến việc áp dụng thuế chống bán phá giá ở Việt Nam.

CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ BÁN PHÁ GIÁ, THUẾ CHỐNG BÁN PHÁ GIÁ VÀ HIỆP ĐỊNH CHỐNG BÁN PHÁ GIÁ CỦA WTO

1.1. Một số vấn đề chung về bán phá giá và thuế chống bán phá giá.

1.1.1. Khái niệm bán phá giá và ý nghĩa kinh tế của việc bán phá giá.

1.1.1.1. Khái niệm bán phá giá.

Các quan niệm quốc tế nói chung và quan niệm của Việt Nam nói riêng đều thống nhất quan điểm cho rằng hiện tượng “bán phá giá” xảy ra khi hàng hóa xuất khẩu được bán sang một nước khác với giá thấp hơn giá bán tại thị trường nội địa (của nước xuất khẩu). Nếu đọc lướt qua, định nghĩa này thật đơn giản, chỉ việc so sánh giữa giá xuất khẩu với giá bán tại nội địa, nếu giá xuất khẩu thấp hơn giá nội địa tức là có sự bán phá giá. Tuy nhiên, sự việc lại không đơn giản chút nào khi một loạt câu hỏi được đặt ra cần giải quyết khi so sánh giá để đảm bảo sự chính xác và công bằng: giá

nội địa là giá nào? Là giá bán buôn hay giá bán lẻ? Giá xuất khẩu là giá nào? v.v...

1.1.1.2. Tác động của việc bán phá giá.

Trước khi có việc hàng của nước khác được bán vào thị trường một nước với giá thấp hơn giá hiện hành, cung và cầu mặt hàng đó cân bằng ở điểm E, với giá P1 và lượng tiêu thụ Q1, hoàn toàn là hàng sản xuất trong nước. Tuy nhiên, khi có nguồn hàng nước ngoài bán với giá thấp hơn là P2, lượng tiêu thụ tăng lên Q2, trong đó lượng hàng sản xuất trong nước giảm xuống chỉ còn Q'2, lượng hàng nhập khẩu là Q2 - Q'2.

Hình 1.1. Tác động của việc bán phá giá

Từ hình này cho thấy thặng dư của người tiêu dùng tăng thêm một lượng bằng diện tích hình thang ABDE, trong khi đó thặng dư của nhà sản xuất trong nước giảm một lượng bằng diện tích hình thang ABCE. Như vậy, có thể thấy tác động của việc bán phá giá là: gây thiệt hại cho ngành sản xuất nội địa nhưng lại mang lại lợi ích cho người tiêu dùng. Về tổng thể, toàn xã hội được lợi bằng diện tích tam giác CDE.

1.1.2. Khái niệm và vai trò của thuế chống bán phá giá.

1.1.2.1. Khái niệm thuế chống bán phá giá.

Thuế chống bán phá giá là một sắc thuế mà nước nhập khẩu đánh vào một mặt hàng nhập khẩu được bán phá giá với mục đích ngăn cản sự tiếp diễn của việc bán phá giá đó để tránh gây thiệt hại cho ngành sản xuất hàng tương tự ở trong nước.

1.2.2.2. Vai trò của thuế chống bán phá giá.

Khi một sắc thuế T được áp dụng, làm cho giá trong nước của sản phẩm tăng lên một lượng bằng T. Do vậy, với các yếu tố về cầu của thị trường nội địa đối với sản phẩm đó không đổi, lượng tiêu thụ giảm từ Q1 xuống Q'1, trong đó lượng hàng sản xuất trong nước tăng từ Q2 lên Q'2, lượng hàng nhập khẩu giảm xuống chỉ còn bằng Q'1 - Q'2. Như vậy có thể thấy rõ tác động bảo hộ của thuế nhập khẩu đối với sản xuất trong nước: làm tăng giá trong nước, giảm lượng hàng nhập khẩu và tăng sản xuất trong nước. Các nhà sản xuất trong nước được hưởng lợi rõ ràng khi giá trị thặng dư của họ được gia tăng thêm một lượng bằng diện tích tứ giác ACJG.

Hình 1.2. Tác động của thuế chống bán phá giá

1.1.3. Các giai đoạn điều tra chống bán phá giá và các bên tham gia chính.

1.1.3.1. Các bên tham gia chính vào điều tra chống bán phá giá.

Có thể có sáu bên tham gia quá trình điều tra chống bán phá giá.

- 1. Các nhà sản xuất trong nước**
- 2. Nhà nhập khẩu/người tiêu dùng.**
- 3. Nhà xuất khẩu/nhà sản xuất nước ngoài.**
- 4. Chính phủ nước xuất khẩu hàng hóa.**
- 5. Cơ quan điều tra của nước nhập khẩu.**
- 6. WTO.**

1.3.1.2. Các giai đoạn điều tra chống bán phá giá.

Giai đoạn 1: Từ thời điểm nộp hồ sơ yêu cầu đến thời điểm mở cuộc điều tra chống bán phá giá.

Giai đoạn 2: Từ thời điểm mở điều tra chống bán phá giá tới thời điểm đưa ra kết luận sơ bộ.

Giai đoạn 3: Từ thời điểm đưa ra kết luận sơ bộ tới thời điểm đưa ra kết luận cuối cùng.

Giai đoạn 4: Áp dụng các biện pháp chống bán phá giá và tiến hành rà soát.

1.2. Hiệp định chống bán phá giá của WTO.

1.2.1. Giới thiệu về Hiệp định chống bán phá giá của WTO.

Năm 1948 hệ thống thương mại đa biên được thiết lập với sự ra đời của Hiệp định chung về Thuế quan và Thương mại (GATT). Trải qua gần một nửa thế kỷ, những quy định của GATT về thương mại đa biên, trong đó có quy định về chống bán phá giá (Điều VI) tỏ ra chưa chặt chẽ. Cùng với sự ra đời của WTO, Hiệp

định chống bán phá giá đã có những quy định chặt chẽ và chi tiết hơn nhiều so với Điều VI của GATT.

1.2.2. Những quy định trong Hiệp định chống bán phá giá của WTO.

Hiệp định chống bán phá giá của WTO đề cập đến các vấn đề sau:

- Xác định việc bán phá giá.
- Xác định thiệt hại.
- Ngành sản xuất trong nước.
- Nộp đơn yêu cầu tiến hành điều tra chống bán phá giá.
- Thu thập thông tin.
- Áp dụng biện pháp tạm thời.
- Cam kết giá.
- Áp dụng thuế và thu thuế chống bán phá giá.
- Truy thu thuế.
- Rà soát.
- Thông báo công khai và giải thích các kết luận.
- Cơ chế khiếu kiện độc lập.
- Chống bán phá giá thay mặt nước thứ ba.
- Thành viên đang phát triển.
- Ủy ban chống bán phá giá.
- Trao đổi và giải quyết tranh chấp.
- Điều khoản cuối cùng

CHƯƠNG 2: KINH NGHIỆM ÁP DỤNG THUẾ CHỐNG BÁN PHÁ GIÁ TẠI MỘT SỐ NƯỚC THÀNH VIÊN CỦA WTO

2.1. Tình hình áp dụng thuế chống bán phá giá trên thế giới.

Kể từ khi WTO ra đời, tính đến thời điểm tháng 06 năm 2008, trên thế giới đã có tất cả 4531 cuộc điều tra về chống bán phá giá và có tất cả là 2106 lần áp dụng thuế chống bán phá giá (chiếm gần 50% tổng số cuộc điều tra).

2.2. So sánh kinh nghiệm áp dụng thuế chống bán phá giá tại một số nước thành viên của WTO.

2.2.1. So sánh các giai đoạn điều tra chống bán phá giá và bảo vệ trong vụ kiện chống bán phá giá.

2.2.1.1. Các giai đoạn điều tra chống bán phá giá.

Giai đoạn 1: Đề đơn kiện chống bán phá giá.

*** Các tổ chức có thẩm quyền tiếp nhận đơn kiện.**

• Ở Mỹ đơn kiện phải được gửi cho hai cơ quan là Bộ Thương Mại và Ủy ban Thương mại Quốc tế, trong khi đó ở Úc, Ấn Độ, đơn kiện chỉ gửi cho một cơ quan duy nhất chịu trách nhiệm.

• Thời gian xem xét đơn kiện để ra quyết định khởi kiện là 20 ngày ở Mỹ và Úc nhưng ở Ấn Độ, thời gian này là 45 ngày.

Giai đoạn 2: Khởi kiện và điều tra sơ bộ

*** Các yêu cầu về thủ tục.**

- Thông cáo.

Ở Mỹ, Ủy ban Thương mại Quốc tế sẽ chuẩn bị thông báo để đăng trong Công báo Liên bang. Ở Úc, khi Bộ Hải quan khởi kiện, thông báo sẽ được đăng trong Công báo Liên bang Úc và một tờ báo quốc gia, thường là Tạp chí Tài chính Úc. Ở Ấn Độ, khi Văn phòng điều tra phá giá chấp nhận rằng đơn kiện có đủ bằng chứng, thông cáo sẽ được đăng để chính thức khởi kiện trong Công báo Chính thức.

- Tiếp cận thông tin và cơ hội bảo vệ lợi ích.

Tại Mỹ: thông tin cho các bên được cung cấp trong suốt quá trình điều tra và được đăng trong Công báo Liên bang. Tại Úc: Bộ Hải quan cũng thông báo cho tất cả các bên liên quan để các bên có thể cung cấp thông tin liên quan. Ấn Độ: cơ quan điều tra cung cấp bằng chứng và thông tin (loại trừ thông tin mật) cho các bên liên quan trong một hồ sơ công cộng.

*** Các yêu cầu về nội dung.**

Điều tra chống bán phá giá tập trung vào việc xác định phá giá, thiệt hại và mối quan hệ nhân quả. Thuế chống bán phá giá chỉ được áp dụng nếu cả ba điều kiện trên được đáp ứng.

Giai đoạn 3: Điều tra cuối cùng và đánh thuế chống bán phá giá.

Mỹ: Giai đoạn cuối của quá trình điều tra do cả hai cơ quan tiến hành. Úc: Bộ Hải quan sẽ đăng bản Tuyên bố chi tiết các Thực tế chủ yếu, trong đó tóm tắt các kết quả của quá trình điều tra và hình thành cơ sở của báo cáo cuối cùng trình lên Bộ trưởng. Trên cơ sở báo cáo của Hải quan, Bộ trưởng sẽ ra quyết định về việc có đánh thuế hay không. Ấn Độ: Cơ quan điều tra chống bán phá giá sẽ thông báo cho các bên về thực tế chủ yếu là cơ sở của quyết định trước khi đưa ra kết luận cuối cùng.

- Cam kết giá.

Mỹ: Thỏa thuận đình chỉ tương tự với điều khoản cam kết giá trong ADA. Úc: Bộ trưởng Hải quan có thể chấp nhận cam kết từ nhà xuất khẩu trong đó đề nghị sẽ xuất khẩu hàng hóa tới Úc trong tương lai theo mức giá mà sẽ không gây thiệt hại cho ngành sản xuất của Úc. Ấn Độ: Văn phòng điều tra phá giá có thể tạm ngừng hay chấm dứt cuộc điều tra nếu nhà xuất khẩu cam kết điều

chỉnh giá để loại bỏ tình trạng phá giá hay thiệt hại cho ngành sản xuất trong nước.

Giai đoạn 4. Rà soát và kháng nghị.

*** Rà soát các biện pháp chống bán phá giá.**

Ở Mỹ, rà soát hành chính do Bộ Thương mại Mỹ thực hiện, rà soát hoàng hôn do cả Bộ Thương mại và ITC thực hiện. Ở Úc, một cơ quan chuyên môn là TMRO có trách nhiệm tiến hành rà soát các quyết định cụ thể trong quá trình phá giá. Ở Ấn Độ, văn phòng điều tra phá giá sẽ tự tiến hành rà soát xem có cần thiết tiếp tục đặt thuế chống bán phá giá hay không theo yêu cầu của các bên liên quan.

*** Rà soát tư pháp.**

- Khiếu kiện trước Tòa án trong nước.

Cả ba nước đều tuân theo quy định của ADA.

- Cơ chế giải quyết tranh chấp của WTO.

Cả ba nước đều tuân theo quy định của ADA.

2.2.1.2. Bảo vệ trong quá trình điều tra chống bán phá giá.

*** Được thông báo về việc tiến hành điều tra vụ kiện chống bán phá giá ở nước ngoài.**

Theo hiệp định chống bán phá giá của WTO, các chính phủ nước ngoài không cần phải công bố đơn yêu cầu bắt đầu một cuộc điều tra. Tuy nhiên, sau khi nhận được hồ sơ hợp lệ và trước khi bắt đầu cuộc điều tra, các cơ quan chức năng phải thông báo cho chính phủ nước có liên quan

*** Chuẩn bị cho một vụ kiện chống bán phá giá.**

Đối với cả ba nước Mỹ, Úc và Ấn Độ, hiệp hội thương mại đóng vai trò quan trọng trong các vụ kiện chống bán phá giá.

*** Sự hỗ trợ của cơ quan chống bán phá giá với doanh nghiệp bị kiện.**

Ở Hoa Kỳ, Bộ Thương mại là cơ quan liên quan có trách nhiệm hỗ trợ những nhà xuất khẩu Mỹ trong các vụ kiện chống bán phá giá. Ở Úc, Bộ ngoại giao và thương mại chịu trách nhiệm về việc này. Ở Ấn Độ, Ủy ban Chống bán phá giá và các loại thuế liên quan thuộc Cục Tài chính trực thuộc Bộ Thương mại và Công nghiệp là cơ quan cấp nhà nước chịu trách nhiệm quản lý về chống bán phá giá.

2.2.2. So sánh khung pháp lý chống bán phá giá.

*** Phương pháp tính biên độ giá.**

Biên độ giá là khoản chênh lệch giữa Giá thông thường (“NV”) với giá xuất khẩu (“EP”) của hàng hóa.

a. Giá thông thường.

Cả ba nước đều xác định Giá thông thường theo quy định của WTO.

b. Giá xuất khẩu.

Cả ba quốc gia trên đều xác định giá xuất khẩu theo định nghĩa của WTO.

c. Điều chỉnh.

Để thực hiện việc so sánh giữa hai đại lượng tương ứng, luật pháp về chống bán phá giá của ba nước cho phép cơ quan điều tra điều chỉnh Giá thông thường và Giá xuất khẩu

d. So sánh, Biên độ thiệt hại và Quy tắc áp dụng mức thuế thấp hơn.

Cả ba nước đều sử dụng ba cách so sánh giữa Giá thông thường và Giá xuất khẩu để tính biên độ phá giá.

*** Xác định thiệt hại.**

Ở Mỹ, Ủy ban Thương mại Quốc tế chịu trách nhiệm xác định thiệt hại. Tại Úc, cơ quan chịu trách nhiệm là Hải quan Úc. Tại Ấn Độ, Bộ Thương mại chịu trách nhiệm về việc xác định thiệt hại trong quá trình điều tra.

a. Định nghĩa thiệt hại.

Cả ba quốc gia đều sử dụng định nghĩa về thiệt hại của WTO.

b. Tích lũy.

Mỹ và Úc sử dụng cách tính tích lũy theo đó tính gộp tất cả hàng nhập khẩu từ mọi quốc gia nếu như hàng hóa đó cạnh tranh với hàng nội địa. Ấn Độ không áp dụng cách tính tích lũy này trong xác định thiệt hại.

*** Lợi ích xã hội trong việc áp dụng biện pháp chống bán phá giá.**

Tại Úc, luật chống bán phá giá yêu cầu rằng ngoài việc xác định được có phá giá và thiệt hại thì thuế bán phá giá chỉ được áp dụng khi có thể chứng minh rằng việc áp dụng đó có lợi cho nước Úc. Ở Mỹ và Ấn Độ, việc áp dụng thuế chống bán phá giá là bắt buộc khi xác định được có phá giá và có thiệt hại cho ngành công nghiệp nội địa.

2.2.2.2. Quy định các loại mẫu, bảng biểu và hướng dẫn chủ yếu trong quá trình điều tra chống bán phá giá.

*** Quy định về đơn kiện chống bán phá giá.**

Mỹ áp dụng gần như chính xác cả về thứ tự và nội dung mẫu đơn như trong quy định của ADA và cụ thể hóa từng mục. Mẫu đơn kiện của Mỹ gồm 5 phần trong đó 4 phần giống theo yêu cầu của ADA và một phần bổ sung để tính đến các hoàn cảnh khó khăn. Mẫu đơn của Úc cũng bao gồm các thông tin theo quy định

của ADA và được cấu trúc gồm 3 phần: phần đầu bao gồm các câu hỏi liên quan đến ngành sản xuất Úc để đánh giá yếu tố thiệt hại, phần hai liên quan đến các bằng chứng về phá giá và phần cuối bao gồm các thông tin bổ sung. Mẫu đơn của Ấn Độ gồm 6 phần: phần đầu liên quan đến thông tin về sản phẩm nhập khẩu, phần hai gồm thông tin về ngành sản xuất trong nước, phần ba cung cấp bằng chứng về phá giá, phần bốn bằng chứng về thiệt hại, phần năm bằng chứng về mối quan hệ nhân quả, và phần cuối là thông tin về chi phí và giá cả.

*** Quy định bảng điều tra chống bán phá giá.**

Tại Mỹ, mẫu bảng câu hỏi cho các nhà xuất khẩu nước ngoài bao gồm 2 phần, dài 5 trang. Tại Úc, bảng điều tra cho nhà xuất khẩu khá dài (57 trang) và rất chi tiết. Tại Ấn Độ, bản câu hỏi dành cho nhà xuất khẩu dài 22 trang.

*** Sổ tay hướng dẫn/cẩm nang.**

Tại Mỹ, Sổ tay hướng dẫn chống bán phá giá do ITC ấn hành, Cẩm nang chống bán phá giá do Bộ Thương mại Mỹ ấn hành. Tại Ấn Độ, Văn phòng chống bán phá giá ấn hành sổ tay hướng dẫn, cẩm nang chống bán phá giá. Tại Úc, Cơ quan chống bán phá giá thuộc Bộ Hải quan Úc xuất bản sổ tay về quy trình, thủ tục, nội dung trong quá trình điều tra chống bán phá giá và các vấn đề liên quan.

2.2.2.3. Bộ máy tổ chức chống bán phá giá.

*** Cơ quan hành chính.**

Mỹ: Bộ Thương mại Mỹ chịu trách nhiệm xác định phá giá còn Ủy ban Thương mại Quốc tế chịu trách nhiệm xác định thiệt hại. **Ấn Độ:** Phòng các vấn đề chống bán phá giá trực thuộc Bộ Thương mại chỉ giới hạn trong việc điều tra và ra khuyến nghị

cho Chính phủ về việc áp dụng thuế chống bán phá giá. Việc áp thuế là do Bộ Tài chính thực hiện. **Úc:** Bộ Hải quan Úc chịu trách nhiệm điều tra và báo cáo Bộ Trưởng về các vấn đề chống bán phá giá.

*** Tổ chức rà soát tư pháp các quyết định hành chính.**

Cả ba nước áp dụng một tòa án riêng cho rà soát tư pháp

2.2.3. Tổ chức nguồn nhân lực và vấn đề liên quan đến nguồn tài chính cho quá trình điều tra chống bán phá giá.

2.2.3.1. Tổ chức nguồn nhân lực.

*** Nhân lực của cơ quan chống bán phá giá.**

Thành viên của nhóm điều tra phải có kiến thức về chống bán phá giá. Ở cả ba nước nghiên cứu, các cơ quan chống bán phá giá đều có các chương trình đào tạo chuyên sâu cho nhân viên của mình và các cơ quan khác trong lĩnh vực chống bán phá giá.

*** Các luật gia, chuyên gia và tư vấn.**

Tại cả ba nước trên, có một số lượng lớn các công ty luật và các chuyên gia luật trong các ngành luật quốc tế. Ngoài các công ty luật, cả ba nước đều có số lượng lớn các kế toán viên, nhà kinh tế và những nhà phân tích kinh doanh, đó là những người nói tiếng Anh tốt và có thể tham gia vào điều tra chống bán phá giá.

2.2.3.2. Vấn đề tài chính.

*** Nguồn tài chính cho giai đoạn bảo vệ việc chống bán phá giá.**

a. Trước vụ kiện chống bán phá giá.

Ở Mỹ và Úc, cơ quan chống bán phá giá cung cấp miễn phí dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật liên quan đến pháp luật chống bán phá giá của các quốc gia khác do các nhà xuất khẩu có liên quan đến

vụ kiện chống bán phá giá ở nước ngoài. Ở Ấn Độ: Các chi phí cho việc giám sát (nếu có) do các Hiệp hội doanh nghiệp hỗ trợ.

b. Trong quá trình giải quyết vụ kiện chống bán phá giá.

Ở Mỹ, toàn bộ chi phí để cơ quan chống bán phá giá theo dõi và nghiên cứu việc điều tra của cơ quan chống bán phá giá nước ngoài do Ngân sách liên bang hỗ trợ. Tuy nhiên, chính quyền Ấn Độ có sự hỗ trợ tài chính cho các nhà xuất khẩu của Ấn Độ cho những vụ kiện chống bán phá giá ở nước ngoài. Ở Úc, các doanh nghiệp phải chịu hoàn toàn các chi phí cho việc giải quyết vụ kiện chống bán phá giá.

c. Tiếp theo vụ kiện chống bán phá giá.

Nguồn tài chính để cơ quan chống bán phá giá liên lạc với cơ quan chống bán phá giá nước ngoài về biện pháp chống bán phá giá và/hoặc toàn bộ những tranh chấp trong khuôn khổ WTO do Ngân sách bang hỗ trợ.

**** Nguồn tài chính cho khởi kiện vụ chống bán phá giá.***

a. Trước vụ kiện chống bán phá giá.

Ở cả ba nước đề cập ở trên, các chi phí cho việc thu thập các tài liệu cần thiết cho việc khởi kiện và các chi phí cho việc thuê luật sư và các chuyên gia do nguyên đơn chịu.

b. Trong quá trình giải quyết vụ kiện chống bán phá giá.

Ở cả ba nước, những chi phí để cơ quan chống bán phá giá thực hiện việc điều tra do Ngân sách nhà nước chi trả. Nguyên đơn sẽ phải trả những chi phí của họ phát sinh trong quá trình điều tra.

c. Sau vụ kiện chống bán phá giá.

Cả ba nước được nêu ra đều có sự hỗ trợ tài chính nhất định cho ngành công nghiệp trong nước đối với việc khởi kiện và

hỗ trợ cho nhà xuất khẩu trong việc bảo vệ chống bán phá giá ở nước ngoài.

CHƯƠNG 3. MỘT SỐ GỢI Ý LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC ÁP DỤNG THUẾ CHỐNG BÁN PHÁ GIÁ Ở VIỆT NAM.

3.1. Những vấn đề đặt ra với Việt Nam khi phải đối mặt với tranh chấp bán phá giá.

Những khó khăn chủ yếu của Việt Nam khi phải đối phó với tranh chấp phá giá.

Khó khăn lớn nhất là hiểu biết về luật thương mại quốc tế liên quan tới bán phá giá của ta là rất hạn chế.

Khó khăn thứ hai chính là sự phối hợp của chúng ta còn thấp.

Khó khăn lớn thứ ba là hệ thống pháp luật về kinh tế - thương mại của Việt Nam còn đang trong quá trình xây dựng và hoàn thiện.

Một khó khăn khác liên quan tới giải quyết tranh chấp. Cho tới nay và vài năm tới chúng ta chỉ có thể giải quyết tranh chấp phát sinh liên quan tới chống bán phá giá trong khuôn khổ các hiệp định thương mại song phương.

Cuối cùng cần lưu ý đến thực tế là một số nước chưa công nhận nền kinh tế của chúng ta là nền kinh tế thị trường (KTTT).

3.2. Khả năng áp dụng thuế chống bán phá giá ở Việt Nam.

Việc áp dụng thuế chống bán phá giá tại Việt Nam hoàn toàn có khả năng khi chúng ta đã có những nguồn luật liên quan đến việc áp dụng thuế chống bán phá giá, khi chúng ta thấy được những lợi thế của việc áp dụng thuế chống bán phá giá đối với sản xuất trong nước.

3.3. Gợi ý một số giải pháp liên quan tới việc áp dụng thuế chống bán phá giá ở Việt Nam.

Dựa trên kinh nghiệm của ba nước nghiên cứu, chúng tôi xin đưa ra một số gợi ý cho việc áp dụng thuế chống bán phá ở Việt Nam.

3.3.1. Hoàn thiện khung pháp lý về chống bán phá giá.

3.3.1.1. Quy định biểu mẫu và cảm nang hướng dẫn.

*** Đơn kiện.**

Khi chuẩn bị các mẫu đơn kiện, cơ quan có thẩm quyền nên xem xét các yếu tố sau đây:

- Mẫu đơn cần dễ hiểu, rõ ràng để nhà sản xuất có thể điền các thông tin một cách đầy đủ nhất.
- Nội dung thông tin cần đầy đủ, toàn diện để có thể cung cấp đủ bằng chứng về phá giá, thiệt hại và quan hệ nhân quả.
- Cần có các hướng dẫn rõ ràng các thông tin khai trên mẫu đơn.

*** Bảng điều tra.**

Khi thiết kế các bảng câu hỏi cần chú ý:

- Thiết kế một mẫu chung cho mỗi loại bảng hỏi cho từng bên liên quan ;
- Nội dung bảng câu hỏi cần đầy đủ để thu thập được đủ thông tin, trên cơ sở đó xác định biên độ phá giá và mức độ thiệt hại và mối quan hệ nhân quả;
- Đối với mỗi trường hợp phá giá cụ thể, áp dụng một mẫu chuẩn đã được thiết kế sẵn, tuy nhiên cần điều chỉnh để phù hợp với tính chất của sản phẩm bị kiện;
- Xác định các tổ chức thích hợp để gửi bảng hỏi.

3.3.1.2. Tổ chức chính quyền và tư pháp.

*** Tổ chức cơ quan hành chính.**

Việc áp dụng hệ thống một cơ quan có tính đến việc giảm thiểu chi phí và hạn chế chồng chéo trong quá trình điều tra, sử dụng hiệu quả nhân lực và giúp nâng cao khả năng của đội ngũ chuyên gia khi họ có thể tham gia vào tất cả các giai đoạn của quá trình điều tra chống bán phá giá.

*** Rà soát tư pháp các quyết định hành chính.**

Theo ý kiến của một số chuyên gia pháp lý, Việt Nam có thể cân nhắc khả năng xây dựng một tòa án chuyên trách các vấn đề liên quan đến các biện pháp khắc phục thương mại.

3.3.1.3. Lợi ích xã hội trong việc áp dụng biện pháp chống bán phá giá.

Việt Nam nên xem xét tới vấn đề lợi ích xã hội, đặc biệt là lợi ích của người tiêu dùng trong quá trình đưa ra phán quyết về chống bán phá giá, áp dụng việc tính Biên độ Thiệt hại và Quy tắc áp dụng mức Thuế thấp hơn; và không sử dụng phương pháp tính tích lũy trong khi xác định thiệt hại cho ngành công nghiệp nội địa.

3.3.2. Tổ chức nguồn nhân lực và vấn đề liên quan đến nguồn tài chính cho quá trình điều tra chống bán phá giá.

3.3.2.1. Tổ chức nguồn nhân lực.

- Tổ chức những khóa đào tạo ngoại ngữ (đặc biệt là tiếng Anh) cho các chuyên gia về chống bán phá giá và các luật sư.
- Củng cố mối quan hệ với các chuyên gia chống bán phá giá nước ngoài.
- Tổ chức huấn luyện để cung cấp cho hiệp hội doanh nghiệp và các tổ chức kinh doanh thông thường những kiến thức pháp luật quốc tế về chống bán phá giá.

- Tổ chức một nhóm các công ty tư vấn về luật và kinh tế về chống bán phá giá và các tranh chấp kinh tế khác.

3.3.2.2. Nguồn tài chính cho quá trình điều tra chống bán phá giá.

Chính phủ cần có sự hỗ trợ tài chính nhất định cho các hoạt động này. Ngân sách cần được giao cho cơ quan chống bán phá giá để tránh sự vi phạm thỏa thuận với WTO.

KẾT LUẬN

Trong thương mại quốc tế bán phá giá là một hiện tượng kinh tế bình thường. Tuy nhiên trong những năm gần đây song song với thương mại toàn cầu ngày càng tự do hóa thì các biện pháp chống bán phá giá được áp dụng ngày càng tăng. Đã có những ý kiến cho rằng biện pháp này đã bị lạm dụng như một hàng rào phi thuế quan để bảo hộ cho sản xuất trong nước.

Nhìn chung quy định của các nước về chống bán phá giá đều dựa trên Hiệp định về chống bán phá giá của WTO. Hiệp định

này đưa ra định nghĩa cụ thể khi nào hàng nhập khẩu bị coi là bán phá giá dựa trên hai tiêu chí là giá xuất khẩu thấp hơn giá bán trong nước hoặc thấp hơn chi phí sản xuất. Hiệp định cũng quy định chặt chẽ về điều tra thiệt hại của ngành sản xuất hàng hóa tương tự ở trong nước là do hàng nhập khẩu bị bán phá giá gây ra. Mỗi thành viên của WTO chỉ có thể áp dụng các biện pháp chống bán phá giá khi hàng nhập khẩu bị bán phá giá dẫn tới gây thiệt hại nghiêm trọng cho ngành sản xuất hàng hóa tương tự trong nước.

Khi xây dựng văn bản quy phạm pháp luật về thuế chống bán phá giá cần phải cân nhắc cẩn thận tới ý nghĩa kinh tế của hiện tượng bán phá giá để có thể đạt được hiệu quả kinh tế cao nhất. Trong văn bản luật phải coi lợi ích toàn xã hội cao hơn lợi ích riêng của các nhà sản xuất. Trên cơ sở kinh nghiệm của các nước khác trong lĩnh vực này thì mức thuế chống bán phá giá tốt sẽ là mức thuế cân bằng được lợi ích của cả người sản xuất lẫn người tiêu dùng.

Thực tế của nhiều nước cũng chỉ ra rằng xây dựng văn bản quy phạm pháp luật về chống bán phá giá vừa phù hợp với hoàn cảnh từng nước vừa không trái với luật thương mại quốc tế đã khó, nhưng tổ chức bộ máy thực thi còn khó khăn hơn nhiều. Đó là do các thủ tục điều tra phá giá và thiệt hại rất phức tạp đòi hỏi sự phối hợp nhịp nhàng giữa các cơ quan có thẩm quyền của nhà nước với cộng đồng doanh nghiệp, đồng thời đòi hỏi sự tham gia của các chuyên gia giỏi trong nhiều lĩnh vực khác nhau như kinh tế vi mô, luật quốc tế, kế toán, v.v....

Chính sách thương mại của Việt Nam đã tiến một bước dài theo hướng tự do hóa và hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực. Chính sách này đã góp phần tích cực cho sự phát triển kinh tế khá

nhANH và ổn định của Việt Nam trong những năm qua. Song song với việc tiếp tục cải cách chính sách thương mại theo hướng tự do hóa hơn nữa để phù hợp hơn nữa với các quy định của WTO trong vài năm tới, Việt Nam cũng cần nhanh chóng hoàn thiện hơn nữa khung pháp lý về thuế chống bán phá giá để có thể áp dụng công cụ này như một công cụ bảo hộ mới có hiệu quả và phù hợp với luật thương mại quốc tế.

Việt Nam cần đẩy mạnh hoạt động đào tạo nguồn nhân lực, tạo ra nguồn tài chính vững chắc cho hoạt động chống bán phá giá. Điều này vừa là tiền đề cần thiết để sử dụng tốt biện pháp chống bán phá giá như một công cụ bảo hộ sản xuất trong nước vừa để đối phó có hiệu quả với những tình huống khi hàng xuất khẩu của Việt Nam bị các nước khác điều tra áp dụng biện pháp này.